PHIẾU BÀI TẬP CHUYÊN ĐỀ 1
CÁC HIỆN TƯỢNG VỀ ÂM, NGHĨA CỦA TỪ
BÀI 1: TỪ ĐỒNG NGHĨA, TỪ TRÁI NGHĨA
GIÁO VIÊN: NGUYỄN THỊ HẢI YẾN

Bài 1: Đọc các đoạn văn sau rồi trả lời câu hỏi:

a. Gạch dưới các từ đồng nghĩa trong đoạn văn sau:

Mùa xuân, lá bàng mới nảy trông như những ngọn lửa xanh. Sang hè, lá lên thật dày, ánh sáng xuyên qua chỉ còn là màu ngọc bích. Khi lá bàng ngả sang màu lục, ấy là mùa thu. Sang đến những ngày cuối đông, mùa của lá rụng, nó lại có vẻ đẹp riêng. Những lá bàng mùa đông đỏ như đồng ấy, tôi có thể nhìn cả ngày không chán.

(***Lá bàng***- Đoàn Giỏi)

b. Gạch dưới các cặp từ trái nghĩa trong đoạn văn sau:

Con chó của ta luôn ở bên cạnh ta trong lúc phú quý cũng như bần hàn, khi khỏe mạnh cũng như lúc ốm đau. Nó ngủ yên trên nền đất lạnh, dù gió đông cắt da cắt thịt hay bão tuyết lấp vùi, miễn sao được cận kề bên chủ.

Bài 2: Điền cặp từ đồng nghĩa để hoàn chỉnh các thành ngữ, tục ngữ sau:

a. Non …… nước ……
b. Điều …… lẽ ……
c. Ngày …… tháng ……
d. …… danh hơn …… áo
e. Mâm …… cỗ ……
f. Càng cay nghiệt ……, càng oan trái ……

Bài 3: Điền cặp từ trái nghĩa để hoàn chỉnh các thành ngữ, tục ngữ sau:

a. …… sinh …… tử
b. ……nhà, ……chợ
c. …… thác …… ghềnh
d. …… kính …… nhường
e. ... anh em ... ... láng giềng...
f. Ba …… bảy ……

VINASTUDY.VN

Bài 4 :

Tìm từ đồng nghĩa với những từ gạch chân trong đoạn văn miêu tả sau :

*Mùa xuân đã đến hẳn rồi, đất trời lại một lần nữa **đổi mới**, tất cả những gì sống trên trái đất lại vươn lên ánh sáng mà **sinh sôi**, nảy nở với một sức mạnh khôn cùng. Hình như từng kẽ đá khô cũng **cựa mình** vì một lá cỏ non vừa **xoè nở**, hình như mỗi giọt khí trời cũng **rung động**, không lúc nào yên vì tiếng chim gáy, tiếng ong bay.*

(***theo*** Nguyễn Đình Thi)

Bài 5:

a) Tìm những từ cùng nghĩa chỉ màu đen để điền vào chỗ trống trong các từ dưới đây :

Bảng.... ; vải.... ; gạo.... ; đũa..... ; mắt.... ; ngựa.... ; chó.....

b) Với mỗi từ gạch chân dưới đây, hãy tìm một từ trái nghĩa :

- ***Già:*** Quả ***già***; người ***già***; cân ***già***

……....

- ***Chạy :*** Người ***chạy***; ô tô ***chạy***; đồng hồ ***chạy***

……....

- ***Chín :*** Lúa ***chín;*** thịt luộc ***chín;*** suy nghĩ ***chín chắn***

……....

Bài 6: Trong mỗi nhóm từ dưới đây, từ nào không cùng nhóm với các từ còn lại :

a. *Tổ tiên, tổ quốc, đất nước, giang sơn, sông núi, nước nhà, non sông.*
b. *Quê hương, quê quán, quê cha đất tổ, quê hương bản quán, quê mùa.*
c. *Thợ cấy, thợ cày, thợ rèn, thợ gặt, nhà nông, lão nông, nông dân.*
d. *Thợ điện, thợ cơ khí, thợ thủ công, thủ công nghiệp,thợ hàn, thợ mộc.*
e. *Giáo viên, giảng viên, giáo sư, kĩ sư, nghiên cứu, nhà khoa học, nhà văn.*

Bài 7: Dựa vào bốn dòng thơ của Trần Đăng Khoa, viết đoạn văn (8-10 câu) tả cảnh Hồ Gươm vào buổi sáng. Đoạn văn có sử dụng các từ đồng nghĩa, trái nghĩa (gạch chân).

Hà Nội có Hồ Gươm

Nước xanh như pha mực

Bên hồ ngọn Tháp Bút

Viết thơ lên trời cao

……...

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

……

BÀI TẬP VỀ NHÀ

Bài 1*:* Đặt câu với mỗi từ đồng nghĩa sau:

a) Ăn, xơi; b) Biếu, tặng. c) Chết, mất.

Bài 2: Điền từ đồng nghĩa thích hợp vào những câu sau.

- Các từ cần điền: ***cuồn cuộn, lăn tăn, nhấp nhô.***

- Mặt hồ **…** gợn sóng.

- Sóng biển **…**xô vào bờ.

- Sóng lượn **…**trên mặt sông.

Bài 3:Đặt câu với mỗi từ sau: ***cắp, ôm, bê, bưng, đeo, vác***.

Bài 4: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ trống: Bé bỏng, nhỏ con, bé con nhỏ nhắn.

a) Còn…..gì nữa mà nũng nịu.

b) …..lại đây chú bảo!

c) Thân hình……

d) Người …..nhưng rất khỏe.

Bài 5: Tìm từ trái nghĩa với các từ: hiền từ, cao, dũng cảm, dài, vui vẻ, nhỏ bé, bình tĩnh, ngăn nắp, chậm chạp, sáng sủa, chăm chỉ, khôn ngoan, mới mẻ, xa xôi, rộng rãi, ngoan ngoãn…

Bài 6: Tìm các từ trái nghĩa chỉ:

a) Sự trái ngược về thời gian

b) Sự trái ngược về khoảng cách

c) Sự trái ngược về kích thước thẳng đứng

d) Sự trái ngược về trí tuệ